

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14-01-2026

V/v: Kiện xin ly hôn,

nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Xuân Luyện và bà Phạm Thị Mơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng L, sinh ngày 09/10/1997.

Số căn cước công dân: 035197006460.

Địa chỉ: Tổ 8, phường P, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh ngày 23/02/1993.

Số căn cước công dân: 035093011395.

Địa chỉ: Tổ 8, phường Phù V, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai

bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không bên nào còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Nam.

Về con chung: Chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N có một con chung là cháu Trần Quang H (con trai), sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay cháu H đang sống cùng với chị L. Khi vợ chồng ly hôn, chị L có nguyện vọng xin nuôi cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị L đang làm nhân viên bán hàng tại Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ T, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng. Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Chị Trần Thị Hồng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của anh Trần Văn N: Anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa án làm việc và cũng không lấy được lời khai của anh N, nên không có quan điểm của anh N.

* Quan điểm của đại diện gia đình anh Trần Văn N, bà Võ Thị H1 - mẹ đẻ anh Nam trình bày: Chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng, trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không phát sinh mâu thuẫn gì nhưng chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, chị L và anh N hiện không chung sống cùng nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh N có 01 con chung là cháu Trần Quang H, sinh ngày 08/4/2019, hiện cháu đang ở với chị L. Khi vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của UBND phường P: Chị Trần Thị Hồng L có đơn xin ly hôn anh Trần Văn N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung theo quy định pháp luật.

* Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Chị Trần Thị Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Trần Văn N vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như thụ lý giải quyết vụ án đúng

thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, thời gian, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Quang H (con trai), sinh ngày 08/4/2019, anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

2/ Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Văn N có nơi cư trú tại tổ 8, phường P, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành

phố P, tỉnh Hà Nam (nay là UBND phường P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24/4/2018 thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hồng L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L và anh N đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung sau đó mới phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Để giải quyết mâu thuẫn, chị L đã lựa chọn sống ly thân từ năm 2019 đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh N mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N là phù hợp thực tế và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Quang H (con trai), sinh ngày 08/4/2019. Hiện nay cháu H đang sống cùng chị L. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của chị L và thực tế chị L có đủ các điều kiện như thu nhập, chỗ ở, năng lực và đang nuôi dưỡng cháu H, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Trần Quang H cho chị L nuôi dưỡng, quản lý, giáo dục là đảm bảo quyền và lợi ích cho con chung chưa thành niên của các bên đương sự. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Con nuôi, con riêng; Không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Các đương sự phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Trần Văn N.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị Hồng L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Quang H (con trai), sinh ngày 08/4/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị L được đối trừ với 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002471 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị L, anh N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường P, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Tiến Đông